

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2018/HNGĐ-PT

Ngày 18 tháng 5 năm 2018.

V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thu Hiền

Các thẩm phán:

Ông Thân Quốc Hùng

Bà Phạm Thị Minh Hiền

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Hoa - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa:
Ông Đặng Văn Thìn - Kiểm sát viên.

Ngày 18/5/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 10/2018/TLPT -HNGĐ ngày 08/3/2018 về tranh chấp hôn nhân và gia đình.

Do bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 02/2018/HNGĐ-ST ngày 22/01/2018 của Tòa án nhân dân thành phố B bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 76/2018/QĐ-PT ngày 02/04/2018 và quyết định hoãn phiên tòa số 16/2018/QĐ-PT ngày 18/04/2018 giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: Ông Nguyễn Kim D, sinh năm 1968 (có mặt).

Địa chỉ: Tổ 3, phường T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

-Bị đơn: Bà Đồng Thị C, sinh năm 1969 (có mặt).

Đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ 3, Phường T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

Tạm trú: Số nhà 14, ngõ 113, đường Y, phường Y, quận C, thành phố Hà Nội.

-Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư Hoàng Văn T
- Văn phòng Luật sư T thuộc Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội (có mặt).

-Người kháng cáo: Bị đơn bà Đồng Thị C

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là ông Nguyễn Kim D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Đồng Thị C kết hôn ngày 13 tháng 11 năm 1991, đăng ký tại UBND phường N, thị xã B (nay thuộc phường T, thành phố B). Vợ chồng ông bà kết hôn là hoàn toàn tự nguyện và được tự do tìm hiểu trước khi kết hôn, đã được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo nghi lễ truyền thống. Sau khi kết hôn về chung sống với nhau ngay cùng với gia đình nhà bố mẹ ông được một thời gian thì vợ chồng ra ở riêng tại số nhà 33 đường C, phường T, thành phố B là đất của bố mẹ cho.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Bắt đầu giữa năm 2015, thì ông biết được bà C nợ nần rất nhiều người. Sau đó ông có hỏi bà C thì bà C có nói là do bị lừa nên mới nợ như thế. Ông cùng bà C có cùng bàn bạc để trả nợ nhưng giữa hai vợ chồng không thống nhất được về phương án trả nợ nên từ đó mâu thuẫn xảy ra, cuộc sống vợ chồng trở nên căng thẳng, không còn như trước, vợ chồng thường xuyên xô xát nhau. Từ khoảng tháng 4 năm 2016, vợ chồng ly thân từ đó đến nay. Bà C đi đâu làm gì thì ông cũng không biết vì bà C không thông báo cho ông, vợ chồng chỉ liên hệ qua điện thoại để nói về chuyện nợ nần, không ai quan tâm gì đến ai. Nay, ông xác định không còn tình cảm vợ chồng với bà C nữa, cuộc sống vợ chồng không thể tiếp tục, ông đề nghị Tòa án cho ông được ly hôn với bà C.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Thị Kim Á, sinh ngày 06/10/1998; Nguyễn Kim Quang V sinh ngày 17/6/2006. Cháu Á đã trưởng thành nên ông D không đề nghị Tòa án giải quyết. Hiện tại cháu V đang ở cùng cùng ông. Nếu ly hôn, ông yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu V. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hiện tại ông đang làm nghề thợ mộc ở tại nhà. Thu nhập hàng tháng trung bình từ 5 đến 8 triệu đồng đủ để đảm bảo cho cuộc sống của ông và con.

- Về tài sản chung: Vợ chồng ông sẽ tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nghĩa vụ chung về tài sản: Vợ chồng ông không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn bà Đồng Thị C trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Kim D kết hôn ngày 13 tháng 11 năm 1991, đăng ký tại UBND phường N, thị xã B (nay thuộc phường T, thành phố B). Kết hôn là hoàn toàn tự nguyện và được tự do tìm hiểu trước khi kết hôn, đã được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo nghi lễ truyền thống. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống với nhau ngay cùng với gia đình nhà ông D được một thời gian thì vợ chồng ra ở riêng tại số nhà 33 đường C, phường T, thành phố B.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Bắt đầu từ năm 2014, sau khi xây nhà xong thì bà làm ăn thua lỗ, nhiều người đến đòi nợ. Bà có ý đề nghị với ông D là vợ chồng cùng nhau trả nợ nhưng giữa vợ chồng đã không thống nhất được về việc trả nợ, từ đó mâu thuẫn xảy ra, cuộc sống vợ chồng trở nên căng thẳng, không còn như trước. Do ông D không cùng bà đứng ra trả nợ nên đến cuối năm 2016, bà đã ra Hà Nội làm việc để trả nợ. Vợ chồng ly thân từ đó đến nay, không ai quan tâm gì với ai. Nay, bà xác định cuộc sống vợ chồng vẫn bình thường, bà không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của ông D, bà mong muốn ông D rút yêu cầu khởi kiện để vợ chồng đoàn tụ cùng nuôi dạy con cái. Trường hợp ông D nhất quyết ly hôn thì bà đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Thị Kim Á, sinh ngày 06/10/1998; Nguyễn Kim Quang V sinh ngày 17/6/2006. Cháu Ánh đã trưởng thành nên bà không đề nghị Tòa án giải quyết. Hiện tại cháu V đang ở cùng ông D. Nếu ly hôn, bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu V. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con, vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hiện tại, bà đang thuê nhà ở và làm kinh doanh tại Hà Nội. Thu nhập hàng tháng ổn định từ 8 đến 9 triệu đồng đủ để đảm bảo cho cuộc sống của bà và con.

- Về tài sản chung: Vợ chồng bà sẽ tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

- Về nghĩa vụ chung về tài sản: Vợ chồng sẽ tự thỏa thuận.

Với nội dung trên, Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 02/2018/HNGĐ-ST ngày 22/01/2018 của Tòa án nhân dân thành phố B đã áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 271; khoản 1 Điều 273 BLTTDS; Điều 56; Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ông Nguyễn Kim D được ly hôn bà Đồng Thị C.

2. Về con chung: Giao cho ông Nguyễn Kim D trực tiếp nuôi con chung là Nguyễn Kim Quang V, sinh ngày 17/6/2006. Việc cấp dưỡng không đặt ra.

Bà Đồng Thị C có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở bà C thực hiện quyền này.

3.Về án phí: Ông Nguyễn Kim D phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B theo biên lai số AA/2012/06377 ngày 13/10/2017. Xác nhận ông Nguyễn Kim D đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định quyền kháng cáo cho các đương sự

Ngày 05/02/2018 Tòa án nhân dân thành phố B nhận được đơn kháng cáo đề ngày 30/01/2018 của bà Đồng Thị C, ngày 05/02/2018 bà C nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm, bà C kháng cáo không đồng ý bản án sơ thẩm. Lý do bản án sơ thẩm chưa đúng thực tế, thiếu tính khách quan, xâm phạm trực tiếp đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà. Bà đề nghị hủy bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Nguyên đơn ông Nguyễn Kim D không rút đơn khởi kiện, bị đơn bà Đồng Thị C không rút đơn kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích cho bà Đồng Thị C trình bày đề nghị:

Về quan hệ hôn nhân: Tình cảm vợ chồng của ông D và bà C được thiết lập trên cơ sở tự nguyện, đến thời điểm hiện tại tình cảm vợ chồng chưa đến mức phải ly hôn, xem xét các mối quan hệ trong gia đình thì chỉ do bà C làm ăn kinh tế bị nợ, không có gì mâu thuẫn sâu sắc, Tòa sơ thẩm cho ly hôn là không đúng thực tế.

Về con chung: cháu V cần sự chăm sóc của bố mẹ, việc xem xét cháu V ở với ai chưa có hòa giải của gia đình.

Ngoài ra, tại phiên tòa sơ thẩm bà C vắng mặt, luật sư và kiểm sát đề nghị hoãn phiên tòa mở lại vào ngày khác nhưng Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử là không đúng quy định của tố tụng ảnh hưởng đến quyền lợi của bà C, bà C yêu cầu liên quan đến tài sản và nợ chung, Tòa sơ thẩm không hướng dẫn bà C đề nghị quyết trong cùng vụ án. Đề nghị hủy hoặc sửa bản án sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của ông D, tạo cơ hội cho ông D, bà C hàn gắn tình cảm gia đình, mong muốn của bà C là cần cho sự phát triển của cháu V.

Bà Đồng Kim C: Bà Nhất trí đề nghị của luật sư bảo vệ quyền lợi cho bà, bà mong muốn ông D nghĩ lại để vợ chồng đoàn tụ vì bà vẫn còn tình cảm với ông D để con chung không bị thiệt thòi, chỉ vì bà làm ăn mất mát mà ông D không chung lưng đấu cật với bà để vượt qua khó khăn.

Ông Nguyễn Kim D trình bày: Ông không đồng ý với ý kiến của bà C và đề nghị của luật sư. Ông không còn tình cảm với bà C, vợ chồng ly thân từ năm 2016 nên ông cương quyết ly hôn; về con chung cháu V ở với ông từ khi bà C đi Hà Nội làm ăn, cháu vẫn học tập và phát triển bình thường, ông có nghề mộc thu nhập bình quân từ 7 triệu đồng đến 8 triệu đồng/năm để nuôi con, bà C hiện nay con phải trả nợ nhiều người. Ông đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Các đương sự chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của mình được quy định tại Điều 70, 71, 72 và Điều 234 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà Đồng Thị C. Áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự. Giữ nguyên bản án sơ thẩm, bà C phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, sau khi thẩm tra các chứng cứ tại phiên tòa; Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Kim D và bà Đồng Thị C kết hôn ngày 13/11/1991, trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, tự do tìm hiểu, có đăng ký kết hôn. Đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống hạnh phúc, đến năm 2016 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, hay cãi nhau, do bà C làm ăn thua lỗ nên có nợ nần nhiều, vợ chồng đã ly thân từ hơn một năm nay. Ông D khởi kiện xin ly hôn bà C. Bản án sơ thẩm xử cho ông D được ly hôn bà C. Bà C kháng cáo. Xét kháng cáo của bà C. Hội đồng xét xử thấy:

Tại phiên tòa phúc thẩm bà C trình bày: Bà vẫn còn tình cảm với ông D, mong ông D về đoàn tụ để nuôi dạy các con, bà và ông D không có gì mâu thuẫn chỉ vì bà mắc nợ nhiều nên ông D ly hôn bà. Tuy nhiên, ông D xác định không còn tình cảm với bà C, vợ chồng sống ly thân từ năm 2016, không ai quan tâm đến ai. Như vậy, mâu thuẫn vợ chồng giữa ông D và bà C đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, bản án sơ thẩm áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình để xử cho ông Nguyễn Kim D được ly hôn bà Đồng Thị C là có căn cứ. Nên không chấp nhận kháng cáo của bà C.

[2] Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Thị Kim Á, sinh ngày 06/10/1998; Nguyễn Kim Quang V sinh ngày 17/6/2006. Cháu Á đã trưởng thành nên ông D bà C không đề nghị Tòa án giải quyết. Ông D đề nghị được chăm sóc nuôi dưỡng cháu Vinh, không yêu cầu bà C cấp dưỡng nuôi con chung

Bản án sơ thẩm giao con chung cho ông Nguyễn Kim D trực tiếp nuôi con chung là Nguyễn Kim Quang V, sinh ngày 17/6/2006. Bà C kháng cáo không đồng ý. Xét kháng cáo của bà C. Hội đồng xét xử thấy:

Bản án sơ thẩm đã căn cứ vào điều kiện hoàn cảnh của ông D, bà C, nguyện vọng của cháu V để giao con chung cho ông D chăm sóc nuôi dưỡng là có căn cứ.

Vì hiện tại bà C đang phải thuê nhà làm ở Hà Nội, thi thoảng về Bắc Giang. Cháu Vinh vẫn ở cùng ông D từ khi bà C đi Hà Nội làm, để việc học tập ổn định và phát triển bình thường của cháu V nên không chấp nhận kháng cáo của bà C. Giữ nguyên án sơ thẩm giao cho ông D nuôi dưỡng, chăm sóc cháu V. Nếu sau này ông D không đủ điều kiện trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con thì bà C có quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn theo Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình.

Từ nhận định, phân tích trên. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự. Không chấp nhận kháng cáo của bà Đồng Thị C. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị. Hội đồng xét xử không xem xét.

Ngoài ra, đối với ý kiến của luật sư về việc Tòa sơ thẩm xét xử vắng mặt bà C ngày 22/01/2018 là không đúng thì Hội đồng xét xử thấy: phiên tòa mở lần thứ nhất vào ngày 21/12/2017 bà C có mặt, luật sư bảo vệ quyền lợi ích của bà C vắng mặt. Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên tòa và ấn định thời gian mở lại phiên tòa vào 8 giờ ngày 22/1/2018, bà C nhận quyết định hoãn. Tuy nhiên ngày 22/01/2018 bà C vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử vẫn tiếp tục xét xử là đúng quy định pháp luật vì bà C đã được triệu tập hợp lệ hai lần. Do vậy, Tòa sơ thẩm xét xử vắng mặt bà C là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về án phí: Căn cứ vào khoản 1 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, bà C phải chịu án phí dân sự phúc thẩm do giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự. Không chấp nhận kháng cáo của bà Đồng Thị C. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56; Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ông Nguyễn Kim D được ly hôn bà Đồng Thị C.

2. Về con chung: Giao cho ông Nguyễn Kim D trực tiếp nuôi con chung là Nguyễn Kim Quang V, sinh ngày 17/6/2006. Việc cấp dưỡng không đặt ra.

Bà Đồng Thị C có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở bà C thực hiện quyền này.

3. Về án phí: Ông Nguyễn Kim D phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố B theo biên lai số AA/2012/06377 ngày 13/10/2017. Xác nhận ông Nguyễn Kim D đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Đồng Thị C phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000 đồng đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Bắc Giang theo biên lai số AA/2012/06577 ngày 05/02/2018.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND thành phố B;
- TAND thành phố B;
- CCTHADS thành phố B;
- UBND Phường T;
- Các đương sự.
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Hoàng Thị Thu Hiền